

Số: 1272/TB-ĐHDL

Hà Nội, ngày 02 tháng 8 năm 2018

THÔNG BÁO

Về việc đơn đốc nộp học phí học kỳ của các lớp chất lượng cao

Căn cứ quy định đào tạo số 696/QĐ-ĐHDL ngày 16/8/2016 về việc ban hành Quy định tạm thời đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ở trường Đại học Điện lực.

Nhà trường yêu cầu những sinh viên của các lớp: D10-CLC, D11-CLC, D12-CLC còn nợ cũ học phí và học phí học kỳ II năm học 2017-2018 khẩn trương hoàn thành công tác nộp học phí (có danh sách kèm theo).

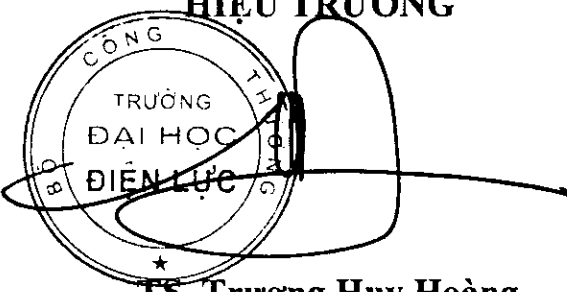
Phòng Công tác sinh viên, cố vấn học tập, giáo viên chủ nhiệm các lớp, Trưởng các Khoa, Bộ môn phối hợp đơn đốc sinh viên nộp học phí theo đúng quy định của Nhà trường.

Trân trọng! ⚡

Nơi nhận:

- Sinh viên, website;
- Cố vấn học tập/Giáo viên CN;
- Phòng CTSV, ĐT;
- Các Khoa, Bộ môn;
- Lưu: VT, KHTC.

HIỆU TRƯỞNG



TS. Trương Huy Hoàng

Danh sách SV các lớp CLC còn nợ học phí kỳ cũ và kỳ 2 năm 17-18
Đến ngày 27/07/2018

STT	MSV	Nợ cũ	Nợ kỳ 172	Tổng nợ	Tên lớp	Họ và	Tên	Khoa
1	1581420001	3,772,000	0	3,772,000	CLC.D10DCN	Hoàng Việt	Anh	Kỹ thuật điện
2	1581420011	3,300,000	0	3,300,000	CLC.D10DCN	Trần Minh	Giang	Kỹ thuật điện
3	1581420013	0	15,160,000	15,160,000	CLC.D10DCN	Đỗ Ngọc	Hải	Kỹ thuật điện
4	1581420015	18,272,000	14,500,000	32,772,000	CLC.D10DCN	Lê Trung	Hiếu	Kỹ thuật điện
5	1581110003	5,800,000	0	5,800,000	CLC.D10H1	Trịnh Ngọc	Bắc	Kỹ thuật điện
6	1581110005	14,500,000	14,500,000	29,000,000	CLC.D10H1	Nguyễn Minh	Công	Kỹ thuật điện
7	1581110008	4,480,000	0	4,480,000	CLC.D10H1	Lê Mạnh	Đạt	Kỹ thuật điện
8	1581110012	4,008,000	0	4,008,000	CLC.D10H1	Vũ Hồng	Đông	Kỹ thuật điện
9	1581110021	13,662,000	1,320,000	14,982,000	CLC.D10H1	Phạm Dương	Khánh	Kỹ thuật điện
10	1581110025	1,450,000	0	1,450,000	CLC.D10H1	Nguyễn Ngọc	Lâm	Kỹ thuật điện
11	1581110029	0	593,683	593,683	CLC.D10H1	Phạm Lê Thành	Long	Kỹ thuật điện
12	1581530002	72,187	0	72,187	CLC.D10H2	Khổng Mai	Anh	Kỹ thuật điện
13	1581210111	44,000	0	44,000	CLC.D10H2	Cao Phước	Duy	Kỹ thuật điện
14	1581420006	1,792,000	0	1,792,000	CLC.D10H2	Đậu Trần Thành	Đạt	Kỹ thuật điện
15	1581410209	6,224,000	0	6,224,000	CLC.D10H2	Đinh Minh	Đức	Kỹ thuật điện
16	1581710154	0	43,622	43,622	CLC.D10H2	Nguyễn Đức	Huy	Kỹ thuật điện
17	1581660074	0	14,500,000	14,500,000	CLC.D10H2	Nguyễn Hải	Nam	Kỹ thuật điện
18	1581910034	7,190,000	23,788,000	30,978,000	CLC.D10H2	Nguyễn Tấn	Phát	Kỹ thuật điện
19	1581960028	7,356,000	0	7,356,000	CLC.D10H2	Đinh Việt	Phong	Kỹ thuật điện
20	1581610028	0	2,688,000	2,688,000	CLC.D10H2	Vũ Minh	Quang	Kỹ thuật điện
21	1581410353	4,432,000	12,048,000	16,480,000	CLC.D10H2	Trần Quốc	Vượng	Kỹ thuật điện
22	1681420001	0	14,500,000	14,500,000	CLC.D11DCN	Đỗ Tuấn	Anh	Kỹ thuật điện
23	1681420004	25,000,000	0	25,000,000	CLC.D11DCN	Trương Quang	Anh	Kỹ thuật điện
24	1681420010	1,320,000	14,500,000	15,820,000	CLC.D11DCN	Đức Minh	Hải	Kỹ thuật điện
25	1681420011	1,320,000	0	1,320,000	CLC.D11DCN	Hoàng Trọng	Hải	Kỹ thuật điện
26	1681420012	0	31,024	31,024	CLC.D11DCN	Lê Ngọc	Hải	Kỹ thuật điện
27	1681420015	1,320,000	17,800,000	19,120,000	CLC.D11DCN	Đỗ Hữu	Hậu	Kỹ thuật điện
28	1681420021	0	50,000	50,000	CLC.D11DCN	Nguyễn Mạnh	Hùng	Kỹ thuật điện
29	1681420025	3,329,535	0	3,329,535	CLC.D11DCN	Nguyễn Công	Minh	Kỹ thuật điện
30	1681420034	0	14,500,000	14,500,000	CLC.D11DCN	Bùi Duy	Thái	Kỹ thuật điện

31	1681420043	0	16,480,000	16,480,000	CLC.D11DCN	Trần Đình	Xuân	Kỹ thuật điện
32	1681110010	500,000	0	500,000	CLC.D11H1	Nguyễn Kim Nhật	Huy	Kỹ thuật điện
33	1681110012	14,500,000	0	14,500,000	CLC.D11H1	Đào Tiến	Lâm	Kỹ thuật điện
34	1681110014	1,320,000	0	1,320,000	CLC.D11H1	Nguyễn Văn	Luân	Kỹ thuật điện
35	1681660039	0	21,100,000	21,100,000	CLC.D11H1	Lưu Xuân	Tuân	Kỹ thuật điện
36	1781420210	0	14,500,000	14,500,000	CLC.D12DCN	Phạm Văn	Hoan	Kỹ thuật điện
37	1781420215	0	14,500,000	14,500,000	CLC.D12DCN	Nguyễn Văn	Luyện	Kỹ thuật điện
38	1781420224	0	14,500,000	14,500,000	CLC.D12DCN	Nguyễn Ngọc	Tiến	Kỹ thuật điện
39	1781420230	0	14,500,000	14,500,000	CLC.D12DCN	Nguyễn Văn	Tuyền	Kỹ thuật điện
40	1781110227	0	14,500,000	14,500,000	CLC.D12H	Đặng Danh	Thắng	Kỹ thuật điện
41	1581210001	18,788,000	14,500,000	33,288,000	CLC.D10QLNL	Đoàn Hoài	Anh	Quản lý Công nghiệp và Năng lượng
42	1581210009	0	14,500,000	14,500,000	CLC.D10QLNL	Đoàn Ngọc	Cương	Quản lý Công nghiệp và Năng lượng
43	1581210017	6,460,000	0	6,460,000	CLC.D10QLNL	Nguyễn Gia	Hiển	Quản lý Công nghiệp và Năng lượng
44	1581210019	14,500,000	12,681,034	27,181,034	CLC.D10QLNL	Nguyễn Lan	Hương	Quản lý Công nghiệp và Năng lượng
45	1581210021	2,688,000	0	2,688,000	CLC.D10QLNL	Nguyễn Công	Khánh	Quản lý Công nghiệp và Năng lượng
46	1582710033	0	14,500,000	14,500,000	CLC.D10QLNL	Vũ Đăng Hồng	Quân	Quản lý Công nghiệp và Năng lượng
47	1581210029	0	17,140,000	17,140,000	CLC.D10QLNL	Nguyễn Ngọc Phương	Thảo	Quản lý Công nghiệp và Năng lượng
48	1681210002	14,500,000	16,480,000	30,980,000	CLC.D11QLNL	Trần Y Quốc	Cường	Quản lý Công nghiệp và Năng lượng
49	1681210003	14,500,000	0	14,500,000	CLC.D11QLNL	Trần Mạnh	Dũng	Quản lý Công nghiệp và Năng lượng
50	1681210004	0	14,500,000	14,500,000	CLC.D11QLNL	Trần Ngọc	Hải	Quản lý Công nghiệp và Năng lượng
51	1681210006	0	3,283,335	3,283,335	CLC.D11QLNL	Nguyễn Ngọc	Huyền	Quản lý Công nghiệp và Năng lượng
52	1681210007	0	16,480,000	16,480,000	CLC.D11QLNL	Nguyễn Thị Phương	Linh	Quản lý Công nghiệp và Năng lượng
53	1681210008	0	17,140,000	17,140,000	CLC.D11QLNL	Phạm Bình	Minh	Quản lý Công nghiệp và Năng lượng
54	1581410010	3,112,000	0	3,112,000	CLC.D10CNTD	Lê Thành	Duy	Điều khiển và Tự động hóa
55	1581410041	14,500,000	14,500,000	29,000,000	CLC.D10CNTD	Vũ Đức	Văn	Điều khiển và Tự động hóa
56	1681410002	5,353,974	14,500,000	19,853,974	CLC.D11CNTD	Lê Đức	Anh	Điều khiển và Tự động hóa
57	1681410010	14,500,000	0	14,500,000	CLC.D11CNTD	Phạm Tiến	Dũng	Điều khiển và Tự động hóa
58	1681410008	3,550,000	0	3,550,000	CLC.D11CNTD	Nguyễn Hiếu	Đức	Điều khiển và Tự động hóa
59	1681410011	14,500,000	0	14,500,000	CLC.D11CNTD	Nguyễn Văn	Được	Điều khiển và Tự động hóa
60	1681410018	0	14,500,000	14,500,000	CLC.D11CNTD	Nguyễn Quang	Linh	Điều khiển và Tự động hóa
61	1681410027	0	36,821	36,821	CLC.D11CNTD	Nguyễn Tuấn	Quang	Điều khiển và Tự động hóa
62	1681410029	25,000,000	14,500,000	39,500,000	CLC.D11CNTD	Trần Văn	Sơn	Điều khiển và Tự động hóa
63	1681410034	58,018	14,500,000	14,558,018	CLC.D11CNTD	Đỗ Mạnh	Trường	Điều khiển và Tự động hóa
64	1781410126	0	14,500,000	14,500,000	CLC.D12CNTD	Nguyễn Hoàng	Phong	Điều khiển và Tự động hóa
65	1581530016	16,506,240	14,500,000	31,006,240	CLC.D10DTVT	Nguyễn Minh	Hiếu	Điện tử viễn thông
66	1581510020	8,031,722	9,499,083	17,530,805	CLC.D10DTVT	Nguyễn Thị	Phấn	Điện tử viễn thông

✓

1000

67	1581510021	0	5,817,309	5,817,309	CLC.D10DTVT	Nguyễn Việt	Phương	Điện tử viễn thông
68	1581510023	35,500,000	0	35,500,000	CLC.D10DTVT	Đào Thanh	Sang	Điện tử viễn thông
69	1581510024	5,872	0	5,872	CLC.D10DTVT	Đào Xuân	Sơn	Điện tử viễn thông
70	1581510025	45,000,000	14,500,000	59,500,000	CLC.D10DTVT	Nguyễn Thanh	Tâm	Điện tử viễn thông
71	1581510032	0	21,620,000	21,620,000	CLC.D10DTVT	Nguyễn Hữu	Toàn	Điện tử viễn thông
72	1381510177	10,500,000	14,500,000	25,000,000	CLC.D10DTVT	Lê Minh	Trung	Điện tử viễn thông
73	1581510033	1,980,000	0	1,980,000	CLC.D10DTVT	Nguyễn Quang	Trung	Điện tử viễn thông
74	1681510001	0	51,035	51,035	CLC.D11DTVT	Lê	Anh	Điện tử viễn thông
75	1681510013	0	3,933,230	3,933,230	CLC.D11DTVT	Trần Đức	Lộc	Điện tử viễn thông
76	1681510018	14,500,000	0	14,500,000	CLC.D11DTVT	Nguyễn Phương	Nam	Điện tử viễn thông
77	1681510026	0	13,426	13,426	CLC.D11DTVT	Nguyễn Đức	Tuấn	Điện tử viễn thông
78	1581810001	12,388,000	0	12,388,000	CLC.D10KTDN	Nguyễn Tuấn	Anh	Kinh tế và quản lý
79	1581810006	0	14,568,000	14,568,000	CLC.D10KTDN	Nguyễn Thị Thùy	Duyên	Kinh tế và quản lý
80	1581810013	0	660,000	660,000	CLC.D10KTDN	Nguyễn Trọng	Hùng	Kinh tế và quản lý
81	1581810025	13,000,000	13,000,000	26,000,000	CLC.D10KTDN	Trương Đình	Quyết	Kinh tế và quản lý
82	1581810026	2,888,000	0	2,888,000	CLC.D10KTDN	Hà Thị	Thanh	Kinh tế và quản lý
83	1581810027	13,000,000	0	13,000,000	CLC.D10KTDN	Phạm Thị Thanh	Thanh	Kinh tế và quản lý
84	1581710003	4,868,000	13,000,000	17,868,000	CLC.D10QTDN	Lê Tuấn	Bách	Kinh tế và quản lý
85	1581710010	0	3,012,000	3,012,000	CLC.D10QTDN	Bùi Tùng	Lâm	Kinh tế và quản lý
86	1581820008	1,320,000	0	1,320,000	CLC.D10TCDN	Phạm Phương	Hoa	Kinh tế và quản lý
87	1581820020	6,312,000	13,000,000	19,312,000	CLC.D10TCDN	Lê Tố	Như	Kinh tế và quản lý
88	1681810007	35,016	0	35,016	CLC.D11KTDN	Đặng Hà	Duyên	Kinh tế và quản lý
89	1681810020	13,000,000	0	13,000,000	CLC.D11KTDN	Nguyễn Thị Thanh	Minh	Kinh tế và quản lý
90	1681810022	9,500,000	0	9,500,000	CLC.D11KTDN	Hà Bích	Ngọc	Kinh tế và quản lý
91	1681810023	9,500,000	13,000,000	22,500,000	CLC.D11KTDN	Vũ Thị Hồng	Ngọc	Kinh tế và quản lý
92	1681810029	0	42,884	42,884	CLC.D11KTDN	Nguyễn Ngọc	Quang	Kinh tế và quản lý
93	1681810040	13,000,000	0	13,000,000	CLC.D11KTDN	Cao Thị Thùy	Trang	Kinh tế và quản lý
94	1681810042	1,320,000	0	1,320,000	CLC.D11KTDN	Trần Nguyễn Thu	Trang	Kinh tế và quản lý
95	1681710002	2,352,000	0	2,352,000	CLC.D11QTDN	Đỗ Sỹ Hoàng	Hải	Kinh tế và quản lý
96	1681710011	8,759	0	8,759	CLC.D11QTDN	Nguyễn Thị Thu	Thủy	Kinh tế và quản lý
97	1681710014	1,320,000	25,351	1,345,351	CLC.D11QTDN	Trình Hữu Quốc	Việt	Kinh tế và quản lý
	Tổng	532,809,323	653,585,837	1,186,395,160				



Ngân lập

 Nguyễn Mai Anh